

CHUYỂN ĐỔI QUYỀN SỞ DẪNG ĐẤT VÀ SINH KẾ CỦA NGƯỜI CHURU Ở LÂM ĐỒNG NGAY TRƯỚC CỜ ĐÂY VÀ HIỆN NAY

PHẠM THANH THÔI

Dân tộc Churu thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynesian, hiện có khoảng 20.000 người ở các trú chòm ở hai huyện Đăk Trông và Đăk Nông tỉnh Lâm Đồng. Trong lịch sử, người Churu cũng đã từng chịu ảnh hưởng bởi quyền lực chính trị của các nhà nước “lân cận”. Tuy vậy, kể từ sau năm 1960, người Churu ở Lâm Đồng đã trải qua một quá trình biến đổi xã hội sâu rộng về mặt kinh tế. Bài viết này trình bày một số quan sát về những biến đổi chính trị, xã hội trong chiến tranh và sau chiến tranh có tác động đến quyền sở hữu đất đai và sinh kế của người Churu ở Lâm Đồng.

1. GIỚI THIỆU

Lâm Đồng thuộc vùng Tây Nguyên Việt Nam, nơi có nhiều tộc người thuộc các nhóm ngôn ngữ Mon-Khmer và Malayo-Polynesian⁽¹⁾ sinh sống. Lịch sử phát triển của các dân tộc ở Lâm Đồng cũng chịu nhiều tác động từ các biến đổi kinh chính trị của các nhà nước “lân cận”. Theo giáo sư Đặng Nghiêm Vạn (1980, tr. 2), “mọi thời điểm, ai cũng có cảm giác ở một vùng có nhiều cách biệt với bên ngoài, các cộng dân ở đây [Tây Nguyên] sống như đã trải qua một cuộc sống yên ổn nhưng lạ lẫm. Người ở đây, Tây Nguyên luôn biến đổi về mặt kinh tế xã hội, biến đổi những tranh chấp của các thế lực bên ngoài, biến đổi những tác động của các luồng văn hóa, của các lớp người qua lại” [...] Đến giữa thế kỷ XIX, “Pháp đặt chân lên Tây Nguyên và đã mở ra những cuộc xáo trộn mới. Đặt ách đô hộ lên Tây Nguyên, người Pháp

chỉ muốn tiếp tục biến đổi [...] Có nhiều làng phố đổ vào rừng sâu, nhiều người phá vỡ phá vỡ làm thổ nhưỡng, làm đổi mới giao thông. Người dân bắt buộc phải học thu thuế khóa và lao dịch (làm đất mới giao thông)”.

Sau năm 1945, phong trào cách mạng dấy lên lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam lan đến Tây Nguyên, bắt đầu hình thành các khu căn cứ kháng chiến chống Pháp. Từ năm 1961 đến năm 1975, tiếp tục diễn ra cuộc chiến tranh “ác liệt” giữa lực lượng kháng chiến với Mỹ và Việt Nam Cộng hòa. Hai cuộc chiến tranh này cùng với các chính sách của hai nhà nước trong và sau chiến tranh đã tác động rất lớn đến các tộc người thiểu số ở Lâm Đồng.

Trong hơn 10 năm, từ năm 1961 đến năm 1975, quá trình “leo thang” chiến tranh tại Việt Nam của Mỹ, với các chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh” đã làm thay đổi rất nhiều nề nếp định cư cũng như sinh kế của các tộc người thiểu số ở

Phạm Thanh Thôi. Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Tây Nguyên, trong đó có người ở Churu ở Lâm Đồng.

Từ sau ngày đất nước thống nhất (1975), sinh kế và sự biến đổi văn hóa, xã hội của người ở Churu tiếp tục thay đổi bởi hàng loạt các chính sách phát triển của Đảng và nhà nước qua từng thời kỳ. Các thực thể chính sách, chương trình như Di dân có tổ chức để xây dựng các vùng Kinh tế mới; chương trình Định canh-định cư; tái định cư và kiểm soát dân cư trong thời kỳ chiến tranh Fulro (1976 - 1988); thành lập các nông-lâm trường quốc doanh; mô hình tập đoàn sản xuất, các dự án trồng rừng và bảo vệ rừng, và hàng loạt các dự án phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói-giảm nghèo khác.

Nhìn chung, kể từ năm 1960 đến nay, dân tộc Churu đã chịu sự tác động đa dạng và sâu rộng hơn bao giờ hết từ các chính sách trong và sau chiến tranh. Việc nghiên cứu về những tác động này sẽ giúp hiểu rõ và lý giải những vấn đề hiện tại về xã hội và kinh tế của người ở Churu.

2. TÌM NGUỒN NGHIÊN CỨU VỀ XÃ HỘI VÀ SINH KẾ CỦA NGƯỜI Ở CHURU

Theo *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam (Quyết định 121 TCTK/PPCĐ ngày 2/3/1979 của Thủ tướng về việc kê Việt Nam)*, người ở Churu thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynesian cư trú chủ yếu ở huyện Đăk Trông và Đăk Đong, tỉnh Lâm Đồng⁽²⁾ và một số ít ở các khu vực khác⁽³⁾.

Người ở Churu được biết đến qua một số nghiên cứu đã xuất bản: Trong công trình của Viện Dân tộc học (1984), tác giả Nguyễn Văn Diêu viết rằng: Người ở Churu là một dân tộc đã định canh định

cư và cư trú lâu đời. Xã hội cư trú truyền thống của trên cư sở palei (làng). Phạm vi của làng là một khoảnh đất rộng vài km² gồm: thung lũng, đất trồng trọt, các công trình thủy lợi cùng với rừng núi, sông suối có ranh giới tự nhiên [...] do các chòm làng qui tụ về nhau và được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Rừng núi sông suối thuộc quyền sở hữu công cộng của làng, ai cũng có quyền săn bắn, đánh cá trong khu vực đó. Những thung lũng, ruộng đất ở đây dần dần đã chuyển thành tài sản sở hữu của từng dòng họ, gia đình lớn hay gia đình nhỏ. [...] Chòm làng, thủy cúng, truyền thống thủy, bà đỡ và các già làng là những người có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, tín ngưỡng của cộng đồng làng. Họ hợp thành tổ chức tư pháp, một tổ chức chính trị, xã hội cao nhất mà người ở Churu đã đạt được. Làng họ như là một đơn vị kinh tế tự túc, tổ chức tự quản đời sống nội bộ. [...] Đồng bào chủ động dân, nhất là chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, đã tạo điều kiện cho tư pháp phát triển [...] Gia đình lớn mang nhiều tàn dư mẫu hệ, mà biểu hiện tập trung ở vai trò người vợ, người ở con và quyền thừa kế tài sản thuộc về những người con gái [...]. Do sự phát triển kinh tế nội địa của người ở Churu bên cạnh những tác động của các xã hội có giai cấp như xã hội phong kiến Chăm, Việt và nhất là các chính sách kinh tế-xã hội của chủ nghĩa thực dân mới ở thời kỳ Mỹ-ngụy đã làm cho hình thức gia đình lớn của người ở Churu tan rã nhanh chóng (Nguyễn Văn Diêu, 1984, tr. 279-280). Có thể nói, bài viết trên đã cho thấy một số đặc điểm cơ bản nhất về kinh tế, xã hội của người ở

Churu – Lâm Đồng trước và sau cách mạng (1975), mà nhiều công trình sau này đã trích dẫn.

Trong công trình *Dân tộc, dân cư Lâm Đồng*, tác giả Trần Sĩ Thạch và cộng sự (1999, tr. 35-44) đã trình bày sơ lược về xã hội cư trú của người Churu như người dung đã tham khảo và sao chép chủ yếu từ bài viết của Nguyễn Văn Diêu (1984) và không đề cập đến những biến cố chính trị và xã hội của người Churu – Lâm Đồng trong hơn 50 năm qua.

Năm 2009, công trình *Người Chu-ru – Lâm Đồng* do Hoàng Sơn (chủ biên) viết rằng: “số biến động về địa bàn cư trú của người Churu diễn ra hai lần lớn: lần thứ nhất vào những thập kỷ 60-70 của thế kỷ XX. Đây là thời điểm M-nyo dân lập; chúng buôn người Chu-ru di chuyển đến một số vùng cư trú mới hoặc [?] đến người C-cho, người M-đến sống cùng họ, xen kẽ với người Chu-ru (Pré, xã Tân Hòa [?], Đắc Trừng; Ka Đô, Đắc D-ny; Tu Tra, Đắc D-ny;...); lần biến động thứ hai từ sau ngày giải phóng miền Nam những thập kỷ đầu tiên: một số làng Chu-ru quay về nơi cư trú cũ hoặc đến các tập hợp lại theo địa bàn hành chính mới” (Hoàng Sơn, 2009, tr. 16). Tuy nhiên, những biến cố xảy ra cư trú như thế nào, tác động đến xã hội người Churu ra sao thì tác giả chưa làm rõ trong công trình này.

Ngoài ra, một số tác giả như Vũ Đình Lợi (1994), Võ Tấn Tú (Luận án tiến sĩ, 2010), Nguyễn Lý Hiên (2002), Phạm Thị Mùi (2003), v.v đã có những bài viết về người Churu. Các nội dung đã tập trung về các đặc trưng văn hóa, gia đình, hôn

nhân, lối sống như trình bày một cách thoáng các nhân tố, động thái và số biến đổi kinh tế, xã hội của người Churu – Lâm Đồng.

Trong bài viết này, nhóm tác giả như hiểu biết về người Churu, chúng tôi muốn làm rõ hơn mối quan hệ giữa các biến cố chính trị với quy trình động đất và thay đổi sinh kế xã hội của người Churu từ sau năm 1960 đến nay. Dựa liệu được thu thập chủ yếu bằng phương pháp phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và quan sát-tham dự các sự kiện tại cộng đồng qua 4 đợt điền dã (mỗi đợt 20 ngày): đợt tháng 8 và tháng 12 năm 2010; đợt tháng 3 và tháng 8 năm 2012 tại các palei của người Churu – các xã vùng Loang của huyện Đắc Trừng, tỉnh Lâm Đồng. Vùng Loang (hay Noang; người Churu thường dùng từ Lwak: có nghĩa là vùng đất mệnh mệnh rừng lớn)⁽⁴⁾, theo đến với hành chính hiện nay gồm 5 xã (Tà In, Ninh Loang, Đà Loang, Tà Năng và Đắc Quyn).

3. CHIẾN TRANH VÀ NHÀ NƯỚC: QUY TRÌNH ĐỘNG ĐẤT VÀ SINH KẾ CỦA NGƯỜI CHURU

Trước năm 1960, theo ranh giới của người Churu, vùng Loang được chia làm 3 khu vực: Loang, Tahine và Tà Năng với nhiều palei cộng đồng. Mỗi palei là một không gian sinh tồn và cũng là một không gian xã hội có lịch sử và di sản văn hóa riêng. Mỗi palei có di sản tích đất đai lớn, bao gồm đất ruộng lúa, đất đai trồng, đất núi rừng và sông suối. Mỗi palei có 3 - 4 căn nhà – thường 1 - 2 dòng họ. Các thành viên thuộc 3 - 4 thế hệ sống chung nhà theo dòng họ. Mỗi dòng họ trong palei thường có khu mộ riêng đất

ruộng lúa để chôn chung những người đã chết.

Sinh kế của cư dân trong palei chủ yếu là trồng lúa nước và nuôi trâu. Cư dân vùng Loan thường nói, xưa kia trâu nhiều quá thường đem đi lấy cái ché, cái chêng và người Chăm. Lúc này, có nhiều gia đình Churu (thuộc 1 số dòng họ) ở vùng Loan được coi là người giàu có vì có nhiều ruộng (đã canh tác), trâu, chêng, ché, tô chén cũ. Những công việc săn bắn, hái lượm, đan, rèn⁽⁵⁾ thủ công... tuy không giúp người Churu giàu có, nhưng đem lại sinh tồn cho họ.

Từ xưa, người Churu đã có đi lại trao đổi sản vật và gia súc (bán mua) bằng đường bộ với người Chăm ở vùng Phan Thiết (Bình Thuận). Họ buôn vùng đường bộ ven biển để mua muối, cá, vật dụng, tô, chén, v.v. bằng các con gia súc, gia cầm của họ được mang theo. Ở thời Pháp thuộc, thanh niên Churu cũng bắt đầu (ép buộc) phải đi làm (phu) cho các công trình giao thông, đến đến của Pháp. Tuy nhiên người Churu vẫn vẫn sống theo truyền thống các vùng đất của tổ tiên giữa rừng núi. Những cuộc sống của họ bắt đầu vào năm 1961 khi chính tranh bùng phát trở lại.

+ 1963 - 1975: bạo lực hàng loạt, mất quyền sống đời sống

Năm 1964, quân đội Việt Nam Cộng hòa xây dựng lính gác tại đội Bu liang (thuộc Tà In) để kiểm soát cư dân vùng Loan. Vùng Loan trở thành nơi di tản ra xung đất và tranh chấp giữa quân Việt Nam Cộng hòa với lực lượng vũ trang cách mạng.

Năm 1966, một số cư dân trong các palei như Bô yoat, Chô pơ di, Chô thap, Tô briang phải bỏ nhà di chuyển (đi bộ) đến tập chi ở các Đ. Gough (Phước Hải, Quốc 20). Đáng kể, năm 1968 (sau Tết Mậu Thân), lực lượng vũ trang cách mạng hoạt động mạnh mẽ đến Bu liang (thuộc xã Tà In hiện nay) và khu vực Loan (thuộc xã Ninh Loan hiện nay). Quân Việt Nam Cộng hòa cho rằng khu vực này đã mất an ninh, mất quyền kiểm soát, vì vậy tập cư dân ở các palei Bô yoat, M'koat, Tahine, Bu liang, Jrot, Chô pơ di, Da kră, Chô thap, Chô buh, M'tôl, Tô o briang, Chô rup, Sre boh, Sre đặng, Sre đàng (bon [làng] người Chô họ)... bắt ép phải di chuyển (đi bộ) đến khu tập trung (tập chi ở các Đ. Gough ở Phước Hải)⁽⁶⁾. Khi dân vùng chuyển đi, quân Việt Nam Cộng hòa đã dùng trực thăng bắn phá các palei, giết chết trâu, bò, đất và vật nuôi, nhà và kho lúa, nhằm làm cho lực lượng vũ trang cách mạng ở các khu căn cứ (trong rừng) không còn lực lượng thủ tục sống.

Tại khu vực Soop (gồm các palei thuộc xã Đà Loan hiện nay), từ năm 1964 người dân cũng phải sống trong một khu tập trung kiểu "tập chi ở các"⁽⁷⁾. Tết Mậu Thân (1968), khu vực Soop trở thành điểm giao tranh giữa lực lượng vũ trang cách mạng và quân Việt Nam Cộng hòa, kéo dài 1 tháng. Khi quân Việt Nam Cộng hòa mất quyền kiểm soát, cư dân các palei khu vực Soop và lân cận như Mah am, Sre tup, Kal lung, D'riah, Hanah rbei, Triah, Sre lat, Sre kop, Sre boh, Hamah rup, v.v. đã bỏ quân Việt Nam Cộng hòa bắt đầu bỏ palei về khu tập trung ở gần thác Liên Khương (thuộc xã

Ntolha, quố c 10 20). C dân đ c c p các t m v i nylon đ làm l u tr i , c p g o và mu i đ s ng t m. Kho ng gi a năm 1968, quân Vi t Nam C ng hòa ti p t c chuy n c dân Ntolha đ n p chi n l c Đ Gough (nay thu c xã Phú H i, Đ c Tr ng, g n c u Đ i Ninh trên qu c 10 20) c cùng v i c dân t Tahine và Loan đã b chuy n đ n tr c đ d ki m soát.

T i khu v c Tà Năng (bao g m xã Tà Năng và Đ Quyn ngày nay), sau t t M u Thân quân Vi t Nam C ng hòa dùng máy bay ch c dân Churu (nh palei Ch kr m) đ n đ xu ng p chi n l c Mah lon (M'lon) Th nh M , huy n Đ n D ng, n i g n tuy n đ ng qu c 10 21 (nay là qu c 10 27)⁽⁸⁾. Tr c s ép bu c ph i r i b palei, m t s ng i Churu Tà Năng đã vào r ng đi theo l c l ng cách m ng.

Nh v y, t năm 1961 đ n 1968, c ng đ ng ng i Churu Lâm Đ ng thu c các palei đã ch u nhi u tác đ ng khi chi n tranh leo thang gi a hai bên. M t s ít ng i Churu vào khu căn c , ph n l n b đ n vào các khu t p trung - p chi n l c. Tuy v y th i gian đ u ng i Churu v n t i các palei g n v i đ t canh tác c a mình, sinh k và xã h i ch a bi n đ i l n. Nhi u ng i cho r ng lúc y h ch b o ép v tình th n và khó khăn trong cu c s ng h ng ngày do s ki m soát c a quân lính Vi t Nam C ng hòa. Tuy nhiên, t sau t t M u Thân (1968), t t c các palei c a vùng Loan (Đ Quyn, Tà Năng, Đà Loan, Tà In, Ninh Loan) đ u ph i r i b không gian sinh t n, tài s n gia truy n⁽⁹⁾ và không gian xã h i c a mình đ s ng

trong s “kìm k p” c a quân đ i và nhà n c.

+ *Nh ng b n đ i v kinh t -xã h i*

T i Đ Gough, quân Vi t Nam C ng hòa đã ch t đ t cây r ng và dùng xe i san b ng m t khu đ t đ i ch ng vài km² đ làm khu t p trung (sau năm 1965, ch đ Vi t Nam C ng hòa đã đ i tên các p chi n l c thành p dân sinh, nh ng th c ch t v n là các khu t p trung). Ng i Churu b bu c ph i đào đ ng hào (sâu 1m, r ng 1m) xung quanh khu đ t. D i hàng rào, quân Vi t Nam C ng hòa cho c m chông và rào dây k m đ ng c m ng i ra vào. Khu t p trung có quân lính canh gác và ng i dân ch đ c ra vào theo đúng gi qui đ nh (t 7 gi sáng đ n 5 gi chi u).

Trong khu t p trung Đ Gough quân Vi t Nam C ng hòa chia ra thành 5 khu v c có ranh gi i là nh ng con đ ng đ t đ (phân lô) r ng ch ng 5 mét. M i khu v c là không gian đ nh c (nhà) c a m t s palei c th :

Khu 1: g m các palei Soop 1, Soop 2, Soop 3.

Khu 2: g m các palei Hanah Rbei, Triah.

Khu 3: g m các palei Mah am, Sre tup.

Khu 4: g m các palei B yoat, Sre đ ng, Sre đ ng, M'tôl, Ch p di, Jrot, M'koat, Tô o briang.

Khu 5: g m các palei Tahine, Bu liang, Da kră, Ch thap, Ch rup, Kal lung, D'riah, Sre boh, Sre lat, Sre kop, Hamah rup, Ch buh⁽¹⁰⁾.

T i p chi n l c M'lon, ng i Churu i khu v c Tà Năng (và xã Đ Quyn hi n nay) cũng đ c b trí t i m t khu v c

tập trung và cần trú xen kẽ.

Trong từng khu, mỗi gia đình làm nên một khu do chia tách họ, mỗi họ sẽ nhận được 5 tằm tôn nhôm, đinh đóng để làm nhà riêng và việc làm nên được chính là nh. Mỗi gia đình tìm kiếm cây, tre, cần ván để làm nhà cho mình. Ủy ban chỉ định họ ở Đ. Gough có 2 nhà thờ: nhà thờ Công giáo (dòng Vinh Sơn) tại khu 3 được làm bằng tre, cây-ván gỗ và lập tôn nhôm. Nhà thờ Tin Lành tại khu 5 cũng được làm bằng các loại vật liệu từng có. Trong cộng đồng palei của người Churu lúc này, những người có kinh nghiệm đến để sinh sống của các thành viên đã tăng lên khá nhiều, gồm: các già làng, trưởng/phó trưởng quần lý, lính canh gác/theo dõi, cha xứ/linh mục (Công giáo) hoặc mục sư/chóp sự/truyền đạo (Tin Lành) giúp đỡ/điều, các giáo viên dạy chữ viết và y tá khám bệnh, để...

Trong Ủy ban chỉ định họ ở, người Churu vẫn cần trú theo từng palei và dòng họ. Những các palei và dòng họ sát nhau trong một khu vực để đại hội họp, chỉ dùng để. Các dân chủ sẽ “kìm kẹp” của họ thành hành chính xã/quần và quân đội rồi thành. Cuộc sống hàng ngày và sinh hoạt ngày càng chủ yếu để những họ bên ngoài dòng họ và palei, những người chính thức và phi chính thức thu hút hoặc có liên quan đến chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Không giống như các palei của truyền, các palei trong Ủy ban chỉ định họ ở chỉ là nơi để. Các dân Churu phải đi tìm đất ruộng phân tán nhiều nơi, ngoài Ủy ban chỉ định họ ở để trồng trọt, trong đó có đất

quanh lòng hồ Đ. Ninh. Một số người ở trong làng phải đi làm thuê (như làm cần; nam khai thác gỗ) cho người ở Kinh, người ở Tây, Nùng (Liên Nghĩa, Đ. Tr. ng). Từ năm 1968 đến năm 1970, việc thu hoạch lúa và bắp không được nhiều do làm trên vùng đất và bắp thú rừng phá. Nhiều người già và trẻ em đã chết vì bệnh và đói. Năm 1970, người ở K. ho (Srê) đã cho người ở Churu mượn một số khu đất ruộng còn để hoang. Khoảng 10% số họ người ở Churu ở Đ. Gough đã mượn ruộng để canh tác lúa nước. Cuộc sống của một số gia đình đã được đổi mới do kết hợp làm nhiều nghề⁽¹¹⁾. Tuy vậy, nhiều gia đình Churu không có đủ gạo để ăn trong ngày. Thành phố có một bệnh viện, một bệnh xá cháo, một bệnh viện hoặc khoai mì. Thức ăn rau để ăn, người ở Churu khi đó phải ăn cây lá bình trôi trôi trên sông Đa Nhim. Họ không dám vào rừng lấy măng, cần, quế và rau vì sợ trúng bom mìn, số bệnh viện là tiếp tế cho người ở⁽¹²⁾.

Ủy ban chỉ định họ ở, các họ của họ ở, ma chay được phải tiếp tế gạo và qui mô thành. Nhà trai không còn khét khe đòi thách cưới ở bệnh chiêm, ché hay trâu, bò nhà. Đám tang, theo phong tục của truyền phải có gạo trâu, những lúc này ít có họ gia đình nào thức hiên để, vì không có trâu. Các nghi lễ cúng tế và ăn uống thành phố gạo, vịt và heo. Họ cũng không có để trao đổi hay cúng tế. Việc của bệnh viện cách hiện để những vật cho thần linh, ma quỷ (như họ của thầy cúng yêu cầu) và tiếp ăn uống (rượu) của người ở Churu đã giảm rõ rệt. Nhiều người ở vì cúng tế, ăn uống phải vay mượn trâu, bò, mua rượu... có thể làm

cho họ thêm đôi khố⁽¹³⁾. Nhiều người Churu đã đem niềm tin và cuộc sống của mình vào Chúa. Họ đến nhà thờ, nghe giảng đạo và thực hành đức tin qua sự giảng dạy của linh mục/mục sư. Người Churu cho rằng mình đã có một cuộc sống mới, Chúa sẽ cứu họ, và nay họ không phải cúng tế cho thần linh các con vật như trâu, bò, dê, heo, gà nữa.

+ *Từ sau 1975: họ tiếp tục tìm lại quy tắc sống đời của tiên*

Năm 1975, khi kết thúc chiến tranh, tiếp xúc với người Địch Gough và M'lon dân sống ở Churu đã tăng lên đông hơn nhưng không được đất và không có phương tiện sản xuất, thiếu cây cối làm nhà ở. Các gia đình đều mưu sinh và palei cố truy tìm của mình. Người Churu ở Địch Gough và M'lon xin chính quyền địa phương cho họ được hồi hương. Khoảng 1 tháng sau khi kết thúc chiến tranh, chính quyền chấp nhận và cho xe tải chở dân Churu ở Địch Gough cùng được về quê hương và tiếp trung tại xã Tà In (palei Chư Răng Hao-Tahine). Chính quyền không cho họ về quê palei cũ nhằm kiểm soát dân và chống lại các lực lượngFULRO đang hoạt động tại Tây Nguyên⁽¹⁴⁾.

Năm 1976, chính quyền đã chia trung tâm xã Tà In thành 5 khu định cư, ranh giới cũng có được đất và có hàng rào bằng cây xung quanh, có du kích bảo vệ.

- Khu 1: palei soop (1, 2, 3) có 45 hộ⁽¹⁵⁾.

- Khu 2: palei Hanah Rbei, Triah có 25 hộ.

- Khu 3: palei Mah Am, Sre tup có 40 hộ.

- Khu 4: Các palei khu vực Loan (Bô yoat, Sre đặng, Sre đàng, M'tôl, Chư pơ di, Jrot, M'koat, Tô o briang) có 70 hộ.

- Khu 5: Các palei Tahine (gồm có Bu liang, Da kră, Chư thap, Chư rup, Kal lung, D'riah, Sre boh, Sre Lat, Sre kop, Hamah rup, Chư buh) có khoảng 50 hộ.

Trong khu định cư Tà In, mỗi hộ gia đình có nhà cách nhau 2m, như thời kỳ tiếp xúc với người Địch Gough. Năm 1977, lực lượngFULRO đã đánh phá vào khu vực Tà In làm chết 6 người dân và 3 dân quân/du kích⁽¹⁶⁾.

Từ năm 1976-1983, chính quyền tiếp tục cho người dân sản xuất theo mô hình tập thể, thành lập các "tập đoàn sản xuất". 5 khu dân cư được chia thành 5 tập đoàn sản xuất, mỗi tập đoàn khoảng 60 hộ. Đàn ông, con trai trên 18 tuổi trong mỗi hộ là lao động chính, và con gái hay cha mẹ già trên 60 tuổi là lao động phụ. Lao động chính bắt buộc phải đi làm trong tập đoàn. Năm 1981, các tập đoàn cùng nhau xây dựng đập thủy lợi để tưới tiêu và trồng ruộng Tahine, nên sản xuất được 2 vụ lúa/năm. Lúc này, một ngày công của lao động chính được quy định bằng 5kg lúa; 1 ngày công của trâu kéo (cày, bừa) quy định bằng 10kg lúa (nhưng ít gia đình có trâu); 1 ngày công của lao động phụ quy định bằng 3kg lúa.

Tuy nhiên, làm ăn theo mô hình tập thể có năng suất thấp. Năm 1988, chính quyền thực hiện khoán 10, chia ruộng cho mỗi hộ (theo nhà ở) 5 sào (5000m²), ít người nhận được 3 sào. Nhà nước cho trợ cấp, phân bón để người dân sản xuất, tiếp tục phát hoang đất để chia cho

Cộng dân mới hơ thêm 2000m² đất. Vợ n thiêu đất canh tác, người ở Churu chơ đơng tở đi tìm đất rơng cách xa nơ i , cở i tở o đất đở i trở c đở tăng thêm diễ n tích trởng trở t. Mỏ t sỏ ít hỏ dân trở vỏ khai phá làm ăn trên các palei cũ cở a tở tiên. Đở n lúc này, mỏ i hỏ gia đình vỏ a có đở t ruởng do tở p đởàn chia; có đở t rở y tở khai phá; đở t vỏ ở n và thỏ cỏ đở (chính quyễ n phân lỏ 1-2,5 sỏo/hỏ).

Đáng chú ý, từ năm 1978, khu vực xã Đà Loan và Ninh Loan (hiện nay) trở thành hai khu kinh tế mới. Các hộ gia đình nông dân ở Kinh tế thành phố Đà Lạt đến⁽¹⁷⁾, định cư tại palei Sre Boh thuộc xã Đà Loan. Các hộ gia đình nông dân ở Kinh tế các tỉnh các tỉnh Hà Nam Ninh (Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình)⁽¹⁸⁾ đến định cư tại xã Ninh Loan. Họ đã khai phá và canh tác đất ruộng tại các palei cũ của nông dân Churu. Đến những năm 1990, nông dân ở Kinh tế vùng Loan đã khai phá hàng ngàn hecta ruộng, đi trồng đất trồng cà phê, bắp và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nhiều hộ gia đình làm nghề mua bán nông sản. Do giá cà phê, bắp tăng cao (năm 1994), nông dân ở Kinh tế đã làm cho vùng Loan, nhất là trung tâm xã Ninh Loan và xã Đà Loan, trở thành nơi mua bán và dịch vụ nhộn nhịp. Vùng Loan đã trở thành nơi sản xuất kinh tế hàng hóa, nông - thôn nông nghiệp phát triển⁽¹⁹⁾, không còn sản xuất tự cung tự cấp như trước đây nữa.

Đến đầu năm 1990, do lực lượng FULRO không còn hoạt động mạnh và chính quyền mới kiểm soát, người Churu đã “tự phát” tìm vẽ các khu đất cũ của dòng họ để trồng lúa và bắp. Chồng họ, người Churu tại M’lon (Thị trấn M) di

chuyển vào đất đai tiên công của mình ở xã Tân
Năng, Đ. Quỳnh hiện nay⁽²⁰⁾.

Những năm sau hơn 20 năm rời khỏi palei, khi quay lại palei cũ, nhiều người đã thay đổi, một vài họ tộc đã thành người, họ tộc đã có con dân Kinh từ mới đến sinh sống, canh tác, v.v. Trong những người ở Churu trước các palei xã Ninh Loan là một ví dụ, họ không có con họ từ họ ở người nữa, vì một số tiền (palei) của họ đã được chính quyền quy hoạch và phân chia cho người ở Kinh đến theo chương trình Kinh từ mới từ năm 1978⁽²¹⁾.

Hoàn cảnh của người Churu và các palei thuộc khu vực Đà Loan như Soop (1, 2, 3), Hanah Rbei, Mah Am, Sre Tup, thì có khác. Vào thời gian trước khi họ bị bắt về miền trước của các khu đất ruộng nông nghiệp. Các palei này cách xa khu dân cư Kinh tế miền Đà Loan, nên người Kinh còn ít đến khai hoang tại đây. Khi người Churu đến định chính quyền địa phương trước về sinh sống trên đất palei trước, họ đã lấy ngôi miền trước và những người đến cúng tế thần linh tại các palei để làm minh chứng về chính quyền và người Kinh (dân đi kinh tế miền) về nguồn gốc đất đai và quyền sở hữu của họ⁽²²⁾.

Hơn một năm sau (1991), 42 hộ gia đình Churu thuộc palei Soop đã tiếp liên hộ với ủy ban Nhân dân xã Đà Loan để xin nhập khu vực palei cũ và được chính quyền cho phép. Nhưng hộ gia đình này đã chết khu, giao đất cho chính quyền xã Tà In để chia thêm cho người ở Churu còn lại đây.

Khi v̄ palei Soop, nḡ ̄ i Churu đã có ̄ i
xin ̄ i nh̄ ng khu đ̄ t mà nḡ ̄ i Kinh đã

khai phá. Ngõ ở i Kinh yêu cầu trữ công khai hoang: 25.000đồng/1.000m² đất đai/vườn, 50.000đồng/1.000m² đất ruộng. Đến năm 2005, ngõ ở i palei Soop, Mah am đã trữ hết tiền công khai hoang cho ngõ ở i Kinh từ nhiều khu đất. Tuy vậy, từ khu vực Soop đến nay vẫn còn 15 hộ ngõ ở i Kinh đang canh tác cà phê, chanh dây, nuôi cá, nuôi bò, heo. Ngõ ở i Churu palei Soop, Mah Am vẫn đây làm lúa (1-2 vụ/năm), năng suất 6 tấn/vụ/1ha (năm 2011). Một số hộ chăn nuôi gà, heo và trâu bò, nhưng số lượng giảm dần do đất chăn nuôi không có nhiều. Phần lớn đất ruộng quanh các khu ruộng nông của ngõ ở i Churu đã thành vườn cà phê của ngõ ở i Kinh.

Từ năm 1991, palei Soop, Mah am trở thành thôn (đến nay hành chính) với nhiều thay đổi về tổ chức xã hội. Năm 2001, thôn Soop đã có đội ngũ gia đình kéo đến, có đội ngũ giao thông đi lại đến trung tâm xã, có các đội trồng rừng (từ lớp 1 đến lớp 3) để các mẹ từ thôn đến dạy cho con em Churu. Về tổ chức xã hội của già làng, thầy cúng, bà mụ, v.v. (như trong xã hội trước năm 1968) không còn nữa. Tín ngưỡng của truyền đã được ngõ ở i Churu coi là “mê tín dị đoan”. Hoạt động cúng tế và ăn uống của ngõ ở i trong các nghi lễ cúng tế như xã hội của truyền không còn, bởi trong tâm thức đã phai nhạt và lễ vật cúng tế như trâu, heo, gà, dê cũng trở thành tài sản mà mọi gia đình nay khó nuôi được. Khi hỏi về phong tục tập quán, nhiều ngõ ở i Churu đã nói rằng: “đây sống như ngõ ở i Kinh rồi!”

Như vậy, sau 1975, dù một bộ phận ngõ ở i Churu đã được *hội nhập* trở về với palei từ tiền, nhưng ngõ ở i Churu

không còn được sinh sống trong không gian tự nhiên và xã hội như trước năm 1960 nữa. Hoạt động kinh tế của các palei không còn tự cung tự cấp. Việc sản xuất nông sản (cà phê, bắp, chuối, quýt và lúa) là để bán cho thị trường và ngõ ở i Kinh đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động mua bán nông sản trong vùng⁽²³⁾. Sau những biến đổi của chiến tranh và các chính sách phát triển của nhà nước⁽²⁴⁾, nhiều palei khi hội nhập đã có quy mô sản xuất đất đai và hoạt động sinh kế theo những cách khác nhau.

Với ngõ ở i Churu ở palei Soop: năm 2004, chính quyền xây dựng đập hồ Soop và hồ thủy điện ở i đến đến nay có về ruộng ở xã Đà Loan. Công trình đã lấy đi 27ha đất ruộng của palei Soop. Nhà nước đến bù cho ngõ ở i Churu hơn 2 triệu đồng/1 sào. Nhưng cộng dân không còn đất sản xuất phải đi làm thuê cho ngõ ở i Kinh (trồng, hái cà phê), một số lấy tiền đến bù mua đất của cộng dân ở palei Mah Am (theo quan hệ hôn nhân) để trồng lúa.

Khi ngõ ở i Churu từ M'lon trở về palei của mình ở Tà Năng và Đăk Quyn, thì nơi này cũng đang có nhiều dự án khai thác khoáng sản (vàng), lâm sản, đênh canh-đênh của chính quyền. Năm 1987, các công ty nhà nước đã khoanh vùng khai thác vàng dọc theo suối Đăk Quyn (thuộc K.65, K. 66, K.67 và K.70), họ có quyền mua bán đất ruộng đang trồng lúa của ngõ ở i Churu ở đây. Nhiều hộ buôn bán phải bán ruộng cho công ty khai thác vàng và đi làm thuê. Trong khi đó các khu đất đai, ruộng bao quanh Đăk Quyn, trở thành làng mới của hàng trăm hộ ngõ ở i Cù (Cố ho-Chil) từ xã Phú Hội, N'Thôn Hồ do thiêu

đất sản xuất để các chính quyền chuyển đổi. Nhưng khu rừng có đất đai cao thì do lâm trường nhà nước quản lý. Vì vậy, diện tích đất rừng lúa của người Churu bắt thu hẹp, nuôi trâu cũng không được vì hết chỗ chăn.

Người Churu còn sống bằng nghề trồng lúa và cần sục kéo, nên khi không còn chỗ chăn trâu thì họ đã trao đổi (hoàn bán) trâu để lấy máy cày. Năm 1998, nghề hái người Churu còn nuôi được trâu đã đổi khoan 6 con trâu để lấy 1 máy cày của người Kinh. Máy cày đã thay thế con trâu trên đồng ruộng của người Churu ở vùng Loan. Không còn con trâu, người Churu phải mua phân hóa học, thuốc cỏ và cỏ lúa gieo để đem bán nâng sống.

Trước năm 1960, người Churu đã dùng trâu, heo, bò và các sản vật rừng là nghề tài sản trao đổi, thách cưới, cúng tế thần và tiệc ăn lúc tang ma. Sau năm 1990, mới họ trao đổi và chi tiêu đã được qui ra bằng tiền. Đến sau năm 2000, nhu cầu cần có sản phẩm nên ngày càng gia tăng trong các hộ gia đình do họ phải gửi quy tập các vật để thờ nhà, ăn uống, chữa bệnh, hành hương, cưới hỏi, tang ma, v.v. Nhưng, khi không còn nuôi trâu hay các gia súc khác, cũng như không được khai thác các lâm sản rừng, đất đai trở thành tài sản đắt giá nhất có thể đem bán để có tiền. Vì vậy, từ những năm 1990, mặc dù thiêu đất sản xuất nhưng việc mua bán, sang nhượng đất đai giữa người Churu với người Kinh đã diễn ra phổ biến. Đến nay, người Churu ở vùng Loan vẫn là nghề hái nông dân nhưng quy định sống được đất và sinh kế đã biến đổi sâu rộng. Hộ gia

đình thiêu đất để trồng trọt và chăn nuôi ngày càng tăng. Vì vậy, thay đổi sinh kế với nhu cầu người Churu là cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Thế nhưng, không ít người Churu vẫn chưa tìm được sinh kế có tính bền vững lâu dài trước sự phát triển mới ở vùng Tây Nguyên.

3. KẾT LUẬN

Từ những năm 1960 đến nay, lịch sử xã hội của các tộc người ở Tây Nguyên đã trải qua những thay đổi. “Không gian sinh tồn” của các tộc người đã chuyển đổi từ sau những tác động của chiến tranh và chính sách từ 1954 đến nay. Biến đổi xã hội của người Churu ở Lâm Đồng do quá trình ly hôn, mất gốc, mất quy định sống được đất trong hơn 50 năm qua là thời kỳ mạnh mẽ và triệt để nhất. Người Churu không còn cư trú được tập trung trong các palei cư truyền theo kiểu “vô chính phủ”. Những guồng máy về hành chính, quân sự, các đoàn thể, tôn giáo, đến với kinh tế hay các hiệp hội, v.v. có tính chất quan phòng hay phi quan phòng, phần nhiều đều đứng bên ngoài, đã tác động và định hình người sống xã hội và sinh kế của người Churu ở Lâm Đồng.

Sau chiến tranh (1975), các nhân tố và động thái của những biến đổi xã hội của người Churu ở Lâm Đồng cũng đa dạng và mạnh mẽ. Đáng chú ý, hiện tượng “hội sinh quá khứ”, tái thiết lập lại các giá trị văn hóa, tâm linh và tổ chức xã hội cư truyền đã không diễn ra. Thế nhưng, nhu cầu palei ở vùng Loan hiện nay người Churu không được với “không gian sinh tồn”, không được sống được đất đai theo kiểu xã hội cư truyền nữa. Thêm vào đó, biến đổi xã hội và sinh kế càng mạnh mẽ hơn khi người Churu sống xen kẽ với môi trường cao

cùng các công đồng tộc người khác và trong bối cảnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa và kinh tế thị trường. Đến nay, mô hình palei, mô hình dòng họ hay mô hình gia đình người Churu ở Lâm Đồng đã trải qua những hoàn cảnh sống đa dạng. Riêng trong quy trình sống đô thị và sinh kế, mô hình palei, mô hình gia đình có những phản ứng thích ứng biến đổi sống sinh tồn tùy theo hoàn cảnh. Bức tranh đa màu sắc về quá trình biến đổi xã hội và sinh kế của người Churu ở Lâm Đồng đã và đang hiện rõ nét. Những gì ở đây, khi đi tìm luận các công trình nghiên cứu về người Churu, tôi cho rằng những tác giả đã bỏ qua các biến cố lịch sử xã hội đã

và đang tác động mạnh mẽ đến xã hội và sinh kế của người Churu.

Trong phạm vi bài viết này, nghiên cứu đề cập giới hạn trong trình bày những biến cố chính trị - xã hội liên quan đến quy trình sống đô thị và sinh kế của “người Churu ở vùng Loạn”. Những nhìn nhận ra lịch sử xã hội của người Churu ở Lâm Đồng đều đã có những xáo trộn to lớn trên nhiều phương diện xã hội, chính trị và kinh tế, nên muốn có những tri thức mới và có giá trị thực tiễn về người Churu các nhà nhân học/dân tộc học cần phải có quá trình nghiên cứu thực địa “đủ lâu” để hiểu và trình bày những tình huống xã hội từ mô hình công đồng dân cư cổ xưa.

CHÚ THÍCH

- (1) Nhóm ngôn ngữ Mon-Khmer có các nhóm địa phương của dân tộc Chơ, M, M'ông; nhóm ngôn ngữ Malayo-Polonesian có các dân tộc Churu, Raglai.
- (2) Trong những tháng hành chính của Việt Nam Cộng hòa (ở miền Nam), từ tháng 5/1958 đến tháng 4/1975, địa bàn hành chính (quận) Đồng Nai và Đồng Trường thuộc tỉnh Tuyên Đức.
- (3) Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ ra có một số khu vực khác nhau ở Di Linh (Lâm Đồng), Ninh Thuận và Bình Thuận.
- (4) Theo người Churu, chữ *Lwak* để chỉ khu vực đất đai rộng lớn với bao nhiêu dân cũng không lấp đầy.
- (5) Theo người Churu, người Raglai ở gần vùng Loạn có nghề rèn tinh xảo hơn nên thợ rèn đến sản phẩm rèn của họ với người Churu để lấy trâu, heo, dê, gà.
- (6) Một người Churu ở Tà In kể lại, họ đã lính Việt Nam Cộng hòa để buôn bán thuốc và nói “ai không đi thì bỏn bỏn!, phải bỏ palei mà đi để được sống”.
- (7) Năm 1963-1968, các dân palei Soop 1, Soop 2, Soop 3 biến đổi lại cấu trúc chung từ 10 p chỉn 10 c ở Soop 2. Các hộ gia đình thuộc dòng họ Kator, Tpur, Hal Wal (Soop 1) và các hộ thuộc họ D'wang, Tor Pur (Soop 3) đã đến định cư chung với soop 2 có họ Bnahria, D'Wang, Tpur, những vị canh tác đất tại làng của mình (Soop 1 và 3).
- (8) Trong quy trình hành chính của Việt Nam Cộng hòa (1958-1975), người Churu cấu trúc từ 10 quận Đồng Nai và quận Đồng Trường thuộc địa phận tỉnh Tuyên Đức.
- (9) Chữ *y* như đất đai, gia súc (chữ *y* là trâu), chiêng, ché và công cụ săn bắn, v.v.
- (10) Khi hội với các biến cố chính trị, các thông tin viên chủ yếu là những người đã cao tuổi nên vì các hạn chế trí định của các palei ở từng khu (1, 2, 3, 4, 5) trong 10 p chỉn 10 c không giống nhau.

- (11) Cuối năm 1969, chính quyền không còn trả công gạo muối, người dân chỉ nhận được lương thực không thể mua được các đồ dùng thiết yếu.
- (12) Ý kiến của nhiều thông tin viên cao tuổi người Churu tại các palei mà tôi đã hỏi chuyên gia.
- (13) Năm 1968, tôi tiếp cận một số người ở Gough, các palei chỉ còn khoảng 20 hộ gia đình người Churu sống, chỉ dựa theo đạo Công giáo hay Tin Lành.
- (14) “Cuối năm 1981, lực lượng Fulro ở Lâm Đồng có 450 người [...], riêng ở Trảng, Fulro đã xây dựng được các khung xã, tiếp với hàng ngàn tên nóm vùng và có hơn 200 tên ngoài vùng” dẫn theo sách *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trảng, 1945-2010*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2012, tr. 192-194.
- (15) Năm 1976, palei Soop còn 5 hộ sống theo tín ngưỡng truyền thống, chỉ dựa theo đạo Kitô giáo.
- (16) Theo một số thông tin viên, sau sự kiện này, người Churu đã kết hợp với chính quyền địa phương để truy lùng tàn quân Fulro, đến năm 1988 thì không còn dấu vết của lực lượng này ở trong vùng.
- (17) Người Kinh theo Chương trình Kinh tế Mới đã đến xã Đà Loan đợt 1 từ tháng 11/1977 và đợt 2 từ tháng 10/1979.
- (18) Xã Ninh Loan có hơn 32.000km², cư dân Kinh tế mới ở đây phần lớn là giáo dân Công giáo. Đến năm 2014, giáo xứ Ninh Loan (gồm 5 xã vùng Loan) đã có hơn 10.000 giáo dân (bao gồm giáo dân là người Kinh đi Kinh tế mới từ Hà Nam Ninh và từ thành phố Đà Lạt đến; và người Churu ở vùng Loan).
- (19) Trong những năm 1990, dân di cư từ do cũng đã đến mua đất đai và khai phá (tìm phát) đất đai để định cư ở vùng này, có công nhân ở các dân tộc thiểu số miền núi phía bắc như Sán Dìu, Tày, Nùng, Thái, Mường, Cao Lan, v.v.
- (20) Người Churu ở vùng Tà Nang chủ yếu thuộc các dòng họ B’Nahria, Touh Neh, Chơ Ranghao.
- (21) So với Đà Loan, từ năm 1975 đến 1988, xã Ninh Loan được xem là khu vực rừng núi có lực lượng Fulro hoạt động chủ yếu phá vỡ nhà.
- (22) Có một thời kỳ, nhiều người Kinh đến tìm kiếm này vì người Churu có bữa yến trên đất đai tiên của họ nên cũng không mua tranh chấp.
- (23) Năm 2011, xã Đà Loan đã có 1170 hộ với dân số có hơn 10.000 dân, chủ yếu là người Kinh, Churu và Chơ-Cil, di cư từ xã Phú Hòa đến. (Nguồn: số liệu thống kê của Ủy ban Nhân dân xã Đà Loan, 2012).
- (24) Trong bài viết này, chúng tôi chỉ có dịp trình bày đại ý và một số hình ảnh các chính sách của nhà nước kể từ sau 1960 đến nay.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chỉ huy quân sự huyện Trảng. 2012. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Trảng (1945-2010)*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
2. Đặng Nghiêm Vạn. 1980. *Bản văn lịch sử tộc người và đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của dân Tây Nguyên*. Tập chí Dân tộc học, số 3.
3. Hoàng Sơn (chủ biên). 2009. *Người Churu ở Lâm Đồng*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
4. Nguyễn Văn Diêu. 1984. *Dân tộc Chu Ru trong Các dân tộc ít người ở Việt Nam (phía Nam)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

5. Trần Sĩ Thụ . 1999. *Dân tộc, dân cư Lâm Đồng*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
6. Viện Dân tộc học. 1984. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Võ Tấn Tú. 2010. *Hôn nhân và gia đình của người Chu Ru ở tỉnh Lâm Đồng*, Luận án Tiến sĩ khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.